THPT PHÙ CỪ
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 1

THỨ	TIẾT	10A1 (Xiêm)	10A2 (Thuần)	10A3 (ThuL)	10A4 (Oanh)	10B1 (Thảo)	10B2 (Giới)	10B3 (TrangT)	10C1 (Thăng)	10C2 (BHạnh)	10D1 (Hồi)
2	1	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**
	2	GDTC - Đăng	Sinh - ThanhS	Văn - Thuần	Văn - Hồi	Tin - Thuý	CNghệ - Đích	Lí - Oanh	Sinh - Hằng	Sử - Quyến	NNgữ - Nhụ
	3	Lí - ThiệnL	Sử - Quyến	Lí - ThuL	Văn - Hồi	Toán - Thảo	Hóa - Giới	Toán - TrangT	Toán - Thăng	Sinh - ThanhS	KTPL - Xuân
	4	Văn - Phong	Văn - Thuần	KTPL - Xuân	Sinh - Long	Lí - Huy	NNgữ - DũngA	Hóa - BHạnh	Hóa - Giới	Toán - Thảo	Sử - Quyến
	5	Văn - Phong	Toán - Thảo	Tin - Thuý	KTPL - Xuân	Văn - Thuần	Sử - Quyến	NNgữ - Hường	NNgữ - Nhụ	Hóa - BHạnh	Địa - ThuỷĐ
3	1	Lí - ThiệnL	Toán - Thảo	NNgữ - Hiền	Sử - Quyến	Văn - Thuần	Lí - Oanh	Hóa - BHạnh	Văn - Hồi	GDTC - Biên	Địa - ThuỷĐ
	2	GDTC - Đăng	NNgữ - Hiền	Văn - Thuần	Toán - Thảo	NNgữ - Hường	Sử - Quyến	Lí - Oanh	NNgữ - Nhụ	Tin - Miến	Toán - Hùng
	3	Sử - Vui	Văn - Thuần	Sử - Quyến	Lí - Oanh	Toán - Thảo	Toán - Hùng	GDTC - Biên	Tin - Quyết	Hóa - BHạnh	Văn - Hồi
	4	Tin - Thuý	Lí - Hưng	Lí - ThuL	Văn - Hồi	Toán - Thảo	Tin - Miến	Văn - Phong	Lí - ThiệnL	Văn - HàV	NNgữ - Nhụ
	5										
4	1	Toán - Thăng	NNgữ - Hiền	Toán - Hùng	Tin - Miến	Hóa - Giới	NNgữ - DũngA	Sử - Quyến	Sử - Vui	Toán - Anh	Sinh - Mừng
	2	NNgữ - Xiêm	Tin - Miến	Toán - Hùng	KTPL - Xuân	Sử - Quyến	Văn - Nga	Toán - TrangT	Toán - Thăng	NNgữ - DũngA	Văn - Hồi
	3	KTPL - Xuân	Sinh - ThanhS	NNgữ - Hiền	Văn - Hồi	CNghệ - Đích	Hóa - Giới	Tin - Miến	GDTC - Biên	Sử - Quyến	Toán - Hùng
	4	Sử - Vui	KTPL - Xuân	Sinh - Mừng	NNgữ - Hiền	Lí - Huy	CNghệ - Đích	GDTC - Biên	Văn - Hồi	Tin - Miến	Toán - Hùng
	5										
5	1	NNgữ - Xiêm	Văn - Thuần	GDTC - Đăng	NNgữ - Hiền	NNgữ - Hường	Tin - Miến	CNghệ - Đích	Toán - Thăng	Lí - Oanh	Địa - ThuỷĐ
	2	Văn - Phong	Toán - Thảo	NNgữ - Hiền	GDTC - Đăng	Văn - Thuần	Lí - Oanh	Hóa - BHạnh	Toán - Thăng	NNgữ - DũngA	Sử - Quyến
	3	Toán - Thăng	Sử - Quyến	Văn - Thuần	Tin - Miến	Toán - Thảo	NNgữ - DũngA	Văn - Phong	Tin - Quyết	Hóa - BHạnh	GDTC - Đăng
	4	Toán - Thăng	Lí - Hưng	Sinh - Mừng	Toán - Thảo	CNghệ - Đích	Toán - Hùng	Sử - Quyến	Lí - ThiệnL	Sinh - ThanhS	Tin - Miến
	5										
6	1	Văn - Phong	Tin - Miến	KTPL - Xuân	NNgữ - Hiền	GDTC - Biên	Toán - Hùng	Toán - TrangT	Hóa - Giới	Lí - Oanh	Sinh - Mừng
	2	Sinh - Hằng	GDTC - Đăng	Sử - Quyến	Lí - Oanh	NNgữ - Hường	Hóa - Giới	Văn - Phong	Văn - Hồi	GDTC - Biên	Tin - Miến
	3	Tin - Thuý	NNgữ - Hiền	GDTC - Đăng	Sử - Quyến	Hóa - Giới	Lí - Oanh	NNgữ - Hường	GDTC - Biên	NNgữ - DũngA	Văn - Hồi
	4	NNgữ - Xiêm	KTPL - Xuân	Tin - Thuý	Sinh - Long	Sử - Quyến	GDTC - Biên	Tin - Miến	Sinh - Hằng	Toán - Anh	Văn - Hồi
	5										
7	1	Lí - ThiệnL	Văn - Thuần	Toán - Hùng	Toán - Thảo	GDTC - Biên	Văn - Nga	Toán - TrangT	Hóa - Giới	Lí - Oanh	GDTC - Đăng
	2	Toán - Thăng	GDTC - Đăng	Văn - Thuần	Toán - Thảo	Lí - Huy	Văn - Nga	Lí - Oanh	NNgữ - Nhụ	Văn - HàV	Toán - Hùng
	3	KTPL - Xuân	Toán - Thảo	Toán - Thăng	Lí - Oanh	Tin - Thuý	GDTC - Biên	NNgữ - Hường	Lí - ThiệnL	Văn - HàV	NNgữ - Nhụ
	4	Sinh - Hằng	Lí - Hưng	Lí - ThuL	GDTC - Đăng	Hóa - Giới	Toán - Hùng	CNghệ - Đích	Sử - Vui	Toán - Thảo	KTPL - Xuân
	5										

THỜI KHOÁ BIỂU SỐ 1 CA SÁNG

Thực hiện từ ngày 05 tháng 09 năm 2025

10D2 (Phong)	11A1 (Diện)	11A2 (ThuỷA)	11A3 (ThiệnV)	11A4 (Ánh)	11A5 (Hằng)	11A6 (HàV)	11A7 (PhươngH)	11A8 (Tài)	11D1 (Đẹp)	11D2 (Lý)
Chào cờ	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**
Sử - Vui	NNgữ - Xiêm	Lí - ThiệnL	Toán - DũngT	Tin - Quyết	Văn - ThiệnV	Văn - HàV	Lí - Thành	Sinh - Mừng	Lí - ThuL	Địa - Đẹp
Sinh - Mừng	Toán - DũngT	Hóa - PHạnh	Hóa - BHạnh	NNgữ - NgânA	Sinh - Hằng	NNgữ - ThuỷA	CNghệ - Đích	Hóa - Tài	Tin - Quyết	Văn - Lý
Toán - Thăng	Sinh - Diện	NNgữ - ThuỷA	NNgữ - NgânA	Sinh - Mừng	Lí - Thành	Toán - May	Sinh - Hằng	Lí - ThuL	Địa - Đẹp	Văn - Lý
Địa - Đẹp										
Văn - Phong	Toán - DũngT	Văn - Cương	Lí - ThuL	Hóa - PhươngH	NNgữ - NgânA	NNgữ - ThuỷA	Lí - Thành	Sinh - Mừng	Tin - Quyết	GDTC - ThanhTD
Văn - Phong	Lí - ThiệnL	Tin - Quyết	Toán - DũngT	NNgữ - NgânA	GDTC - Biên	Toán - May	NNgữ - Tân	Sử - Thắm	GDTC - ThanhTD	Lí - Thành
Tin - Miến	Lí - ThiệnL	NNgữ - ThuỷA	Sử - Thắm	Sinh - Mừng	Hóa - PhươngH	Toán - May	NNgữ - Tân	GDTC - ThanhTD	Lí - ThuL	NNgữ - NgânA
GDTC - Đăng	GDTC - ThanhTD	Toán - DũngT	Hóa - BHạnh	Toán - Hùng	Lí - Thành	GDTC - Biên	Hóa - PhươngH	NNgữ - Tân	Văn - Cương	Sử - Quyến
KTPL - Xuân	Văn - ThuỷV	Hóa - PHạnh	NNgữ - NgânA	GDTC - Biên	Hóa - PhươngH	CNghệ - Đích	GDTC - ThanhTD	Toán - TrangT	Văn - Cương	Văn - Lý
NNgữ - Hiền	Tin - Quyết	Văn - Cương	Sinh - Mừng	Hóa - PhươngH	NNgữ - NgânA	GDTC - Biên	Văn - ThiệnV	CNghệ - Đích	Toán - May	KTPL - HàCD
Toán - Thăng	Hóa - PHạnh	GDTC - ThanhTD	Tin - Quyết	NNgữ - NgânA	Văn - ThiệnV	Sinh - Mừng	Toán - May	Văn - Lý	NNgữ - Xiêm	Toán - TrangT
Toán - Thăng	NNgữ - Xiêm	Tin - Quyết	GDTC - ThanhTD	Lí - Ánh	Sử - Quyến	Hóa - Tài	Hóa - PhươngH	Văn - Lý	KTPL - HàCD	NNgữ - NgânA
Địa - Đẹp	GDTC - ThanhTD	Sinh - Diện	Hóa - BHạnh	Văn - Lý	Tin - Quyết	Sinh - Mừng	Sử - Quyến	Toán - TrangT	Văn - Cương	NNgữ - NgânA
Tin - Miến	NNgữ - Xiêm	Sử - Thắm	GDTC - ThanhTD	Lí - Ánh	NNgữ - NgânA	Lí - ThiệnL	Toán - DũngT	Sinh - Mừng	Toán - May	Tin - Quyết
NNgữ - Hiền	Lí - ThiệnL	Toán - DũngT	Sinh - Mừng	Toán - Hùng	Toán - TrangT	Toán - May	GDTC - ThanhTD	CNghệ - Đích	Địa - Đẹp	Văn - Lý
Văn - Phong	Sinh - Diện	Toán - DũngT	NNgữ - NgânA	Tin - Quyết	Toán - TrangT	Sử - Thắm	Toán - May	Toán - Dung	NNgữ - Xiêm	Địa - Đẹp
Sử - Vui	Sử - Quyến	Hóa - PHạnh	Tin - Quyết	Sử - Thắm	Hóa - PhươngH	Lí - ThiệnL	NNgữ - Tân	Hóa - Tài	NNgữ - Xiêm	Lí - Thành
NNgữ - Hiền	Hóa - PHạnh	Văn - Cương	Lí - ThuL	Hóa - PhươngH	Toán - TrangT	Văn - HàV	Toán - DũngT	NNgữ - Tân	Toán - May	Tin - Quyết
Văn - Phong	Tin - Quyết	Toán - DũngT	Văn - ThiệnV	Lí - Ánh	Lí - Thành	Sinh - Mừng	Sinh - Hằng	NNgữ - Tân	Toán - May	Toán - TrangT
Sinh - Mừng	Toán - DũngT	Lí - ThiệnL	Văn - ThiệnV	Toán - Hùng	Tin - Quyết	CNghệ - Đích	Lí - Thành	Lí - ThuL	Văn - Cương	Toán - TrangT
KTPL - Xuân	Toán - DũngT	NNgữ - ThuỷA	Lí - ThuL	Văn - Lý	Văn - ThiệnV	Văn - HàV	Sinh - Hằng	GDTC - ThanhTD	KTPL - HàCD	Địa - Đẹp
Địa - Đẹp	Hóa - PHạnh	GDTC - ThanhTD	Văn - ThiệnV	Văn - Lý	GDTC - Biên	Lí - ThiệnL	CNghệ - Đích	Lí - ThuL	Sử - Thắm	KTPL - HàCD
GDTC - Đăng	Văn - ThuỷV	Sinh - Diện	Toán - DũngT	Toán - Hùng	Sinh - Hằng	NNgữ - ThuỷA	Văn - ThiệnV	Toán - Dung	GDTC - ThanhTD	Toán - TrangT
Toán - Thăng	Văn - ThuỷV	Lí - ThiệnL	Toán - DũngT	GDTC - Biên	Toán - TrangT	Hóa - Tài	Văn - ThiệnV	Văn - Lý	Địa - Đẹp	GDTC - ThanhTD

11D3 (Dương)	12A1 (ThuT)	12A2 (Dung)	12A3 (NgânL)	12A4 (Hưng)	12A5 (Huy)	12A6 (May)	12A7 (Ngọ)	12D1 (Nhụ)	12D2 (Thuý)	12D3 (PhươngCD)
Chào cờ	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**	**Chào cờ**
NNgữ - NgânA	Toán - ThuT	Lí - Ánh	Hóa - Tài	NNgữ - DũngA	Hóa - PhươngH	Hóa - PHạnh	Lí - Hưng	Lí - NgânL	Toán - Anh	KTPL - PhươngCD
Văn - HàV	Tin - Thuý	Sử - Vui	Toán - Anh	Lí - Hưng	Toán - Dung	GDTC - Đăng	NNgữ - Ngọ	Địa - ThuỷĐ	Sử - Thắm	Văn - Tâm
Địa - Dương	NNgữ - Hường	Hóa - PHạnh	Toán - Anh	Văn - Nga	NNgữ - Nhụ	Sinh - ThanhS	Sử - Thắm	GDTC - Đăng	Lí - Ánh	Toán - Dung
	Lí - Huy	Sinh - Diện	Văn - Tâm	Văn - Nga	Sinh - ThanhS	Toán - May	Toán - Anh	Sử - Vui	Địa - Dương	Sử - Thắm
Văn - HàV	Hóa - PHạnh	NNgữ - Hường	CNghệ - Tuấn	Sử - Thắm	Sử - Vui	GDTC - Đăng	Toán - Anh	Tin - Miến	GDTC - Liên	Lí - NgânL
Văn - HàV	GDTC - Liên	Hóa - PHạnh	Sử - Vui	CNghệ - Tuấn	Văn - Cương	Lí - NgânL	Lí - Hưng	Địa - ThuỷĐ	Tin - Thuý	Văn - Tâm
Toán - DũngT	Văn - Yên	Tin - Thuý	Văn - Tâm	Toán - Anh	CNghệ - Tuấn	Hóa - PHạnh	GDTC - Đăng	NNgữ - Nhụ	KTPL - PhươngCD	GDTC - Liên
NNgữ - NgânA	NNgữ - Hường	GDTC - Liên	Lí - NgânL	Toán - Anh	Hoá TC - PHạnh	Toán - May	Sử - Thắm	Văn - Yên	Văn - Tâm	CNghệ - Tuấn
Lí - Ánh	Lí - Huy	GDTC - Liên	Hóa - Tài	Sinh - ThanhS	CNghệ - Tuấn	Văn - Nga	NNgữ - Ngọ	Toán - ThuT	Địa - Dương	Toán - Dung
GDTC - ThanhTD	Hóa - PHạnh	Lí - Ánh	Sử - Vui	Toán - Anh	Lí - Huy	Sinh - ThanhS	CNghệ - Tuấn	Toán - ThuT	GDTC - Liên	NNgữ - Ngọ
KTPL - HàCD	Văn - Yên	Toán - Dung	NNgữ - DũngA	GDTC - Liên	Hóa - PhươngH	CNghệ - Tuấn	Hóa - Tài	Sử - Vui	Toán - Anh	Địa - Dương
Địa - Dương	Toán - ThuT	Văn - Nga	Sinh - ThanhS	Hóa - Giới	Toán - Dung	Toán - May	Văn - Cương	Văn - Yên	Toán - Anh	GDTC - Liên
Toán - DũngT	Sử - Thắm	Toán - Dung	Toán - Anh	NNgữ - DũngA	Sinh - ThanhS	Lí - NgânL	CNghệ - Tuấn	KTPL - PhươngCD	Lí - Ánh	Văn - Tâm
CNghệ - Đích	GDTC - Liên	Toán - Dung	Toán - Anh	Văn - Nga	NNgữ - Nhụ	NNgữ - Hường	Sinh - ThanhS	Địa - ThuỷĐ	Văn - Tâm	CNghệ - Tuấn
NNgữ - NgânA	Sinh - Diện	NNgữ - Hường	GDTC - Liên	Lí - Hưng	Văn - Cương	Văn - Nga	Toán - Anh	Lí - NgânL	Sử - Thắm	Toán - Dung
GDTC - ThanhTD	NNgữ - Hường	Văn - Nga	Lí - NgânL	Toán - Anh	GDTC - Liên	CNghệ - Tuấn	Văn - Cương	NNgữ - Nhụ	NNgữ - DũngA	KTPL - PhươngCD
Toán - DũngT	Văn - Yên	NNgữ - Hường	NNgữ - DũngA	GDTC - Liên	Toán - Dung	Toán - May	Văn - Cương	GDTC - Đăng	Văn - Tâm	NNgữ - Ngọ
Lí - Ánh	Lí - Huy	Tin - Thuý	CNghệ - Tuấn	NNgữ - DũngA	GDTC - Liên	Sử - Thắm	Toán - Anh	Toán - ThuT	Văn - Tâm	Toán - Dung
Văn - HàV	Toán - ThuT	Toán - Dung	Văn - Tâm	CNghệ - Tuấn	Văn - Cương	Hóa - PHạnh	Hóa - Tài	Tin - Miến	Toán - Anh	Sử - Thắm
Sử - Thắm	Toán - ThuT	Lí - Ánh	GDTC - Liên	Hoá TC - PHạnh	Lí - Huy	NNgữ - Hường	GDTC - Đăng	Văn - Yên	NNgữ - DũngA	Văn - Tâm
Địa - Dương	Sinh - Diện	Hóa - PHạnh	Hóa - Tài	Lí - Hưng	Lí - Huy	Sử - Thắm	Sinh - ThanhS	NNgữ - Nhụ	Tin - Thuý	NNgữ - Ngọ
Toán - DũngT	Tin - Thuý	Sử - Vui	Sinh - ThanhS	Hóa - Giới	Toán - Dung	NNgữ - Hường	Hóa - Tài	Toán - ThuT	KTPL - PhươngCD	Lí - NgânL
CNghệ - Đích	Hóa - PHạnh	Văn - Nga	NNgữ - DũngA	Sử - Thắm	Sử - Vui	Lí - NgânL	Lí - Hưng	Văn - Yên	Địa - Dương	KTPL - PhươngCD
KTPL - HàCD	Sử - Thắm	Sinh - Diện	Lí - NgânL	Sinh - ThanhS	NNgữ - Nhụ	Văn - Nga	NNgữ - Ngọ	KTPL - PhươngCD	NNgữ - DũngA	Địa - Dương

12D4 (ThuỷĐ)
Chào cờ
Lí - Huy
KTPL - PhươngCD
Toán - ThuT
Toán - ThuT
KTPL - PhươngCD
Văn - Yên
Địa - ThuỷĐ
Sử - Vui
Văn - Yên
Văn - Yên
Lí - Huy
NNgữ - Ngọ
GDTC - Liên
KTPL - PhươngCD
CNghệ - Tuấn
Địa - ThuỷĐ
Toán - ThuT
NNgữ - Ngọ
GDTC - Liên
CNghệ - Tuấn
Sử - Vui
Văn - Yên
NNgữ - Ngọ
Toán - ThuT